

Số: /BC-THCSNCM

An Hưng, ngày 11 tháng 01 năm 2026

BÁO CÁO SƠ KẾT HỌC KÌ 1 GIÁO DỤC TRUNG HỌC NĂM HỌC 2025 - 2026

I. QUY MÔ MẠNG LƯỚI TRƯỜNG LỚP

1. Quy mô phát triển trường, lớp, học sinh, giáo viên.

Số lớp 19: Tổng 788, khối 7,8,9 có 5 lớp, khối 9 có 5 lớp, Khối 6 có 4 lớp. TB: 41,5 hs/lớp.

Số học sinh toàn trường: Đầu năm (1/9/2025) có 789 hs (*tính cả 8 hs khuyết tật*). Cuối kì 1 (11/01/2026) có 788 hs.

* Sĩ số cuối kì 1 giảm so với sĩ số đầu năm là 1 học sinh. Lí do: 1 học sinh chuyển trường.

Số CBGVNV ĐẾN 11/1/2026: toàn trường 41 trong đó biên chế 34, hợp đồng 07 (4 GV, 2 BV, 1 Lao công)

BGH 2, TPT 1, VT 1, KT 1, TBTN 1, TV 1, BV 2, LC 1, GV 31.

2. Các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục

2.1. *Đội ngũ GV, cán bộ quản lý giáo dục*

Cán bộ quản lý: 02 đủ về số lượng. Đạt trình độ đào tạo (*HT Cao học Quản lý GD, PHT trình độ ĐH*). Đủ các chứng chỉ theo yêu cầu chuẩn của CBQL.

Đội ngũ Giáo viên:

+ Số lượng: 31 trong đó Biên chế 27, HĐ 111 là 4. Thiếu so với giao BC năm 2025 là 2. Thiếu so với giao HĐ 111 là 3. Thiếu so với nhu cầu thực tế (Biên chế + HĐ111) là 5.

Theo cơ cấu môn 27: 7 Toán, 1 Lí, 1 Sinh, 1 CN, 1 TD, 7 Văn, 1 Sử, 2 Địa, 1 GD, 1 AN, 1 MT, 3 Anh. Thiếu 2 so với giao là 1 Văn, 1 Toán. Thiếu 5 so với nhu cầu thực tế là 1 Toán, 1 Văn, 1 Lí, 1 Hóa, 1 Tin.

Trình độ chuyên môn GV: 1 Thạc sỹ, 31 Đại học, 32/32 GV đạt chứng chỉ Tin học cơ bản và 24/32 chứng chỉ A2 trở lên.

Chi bộ 28 Đảng viên, cấp ủy 3 đ/c. Chi đoàn 10 đồng chí.

2.2. *Cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục. Thực hiện công tác chuyển đổi số*

Cơ sở hạ tầng: Trường có 4 dãy nhà 2 tầng, 1 dãy nhà 1 tầng, đang xây mới dãy nhà 3 tầng 12 phòng học. Cổng trường, tường bao ...đảm bảo an toàn an ninh. Phòng học có 15, phòng bộ môn có 5, Thư viện 1. Sân chơi bãi tập đảm bảo an toàn các hoạt động TDTT và các hoạt động giáo dục của nhà trường..

Phương tiện hiện đại: 1 phòng học thông minh gồm 1 ti vi cảm ứng 65 iníc, 8 bộ bàn ghế lục giác. Thư viện điện tử có đủ trang thiết bị hiện đại: Ti vi, máy in, máy

quét. Toàn trường có 26 ti vi (*phòng học 19, phòng chức năng 7*). Máy tính bàn 55 (*phòng học 19, phòng Tin 24, phòng khác 12*). Máy in 7. Camera 34 (*phòng học 19, khác 15*). 100% máy tính, ti vi được kết nối mạng. Tạo điều kiện tốt để thực hiện công tác quản lý, các hoạt động đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới KTĐG học sinh.

Thiết bị đồ dùng dạy học: Trong học kì I nhà trường đã làm được 232 đồ dùng dạy học số. Đồ dùng truyền thống đảm bảo Mỗi khối có 1 bộ thiết bị đồ dùng. Đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định cho hoạt động dạy học. Mua mới 4 phòng bàn ghế học sinh, sửa chữa bàn ghế nội thất các phòng làm việc. Lắp đặt nâng cấp sửa chữa hệ thống mạng, máy tính, ti vi đến nay 100% các phương tiện hiện đại hoạt động tốt.

Kết quả chuyển đổi số: Kì 1 phòng học thông minh, thư viện điện tử hoạt động hiệu quả. Tích cực sử dụng các phần mềm quản lý và giảng dạy. Tổng số kế hoạch bài dạy nộp trên phần mềm đạt 100% bài, số bài giảng điện tử 1289 được soạn giảng; 938 bài đưa lên học liệu số; số tin bài viết trên Wb 465 tin bài.

Công tác quản lý, sử dụng CSVC, trang thiết bị nhà trường đạt hiệu quả, là điều kiện tốt phục vụ các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

*Theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT hiện nay nhà trường còn 01 nhà đa năng. Thiết bị đồ dùng hóa chất đã hỏng và thiếu nhiều.

3. Kết quả thực hiện PCGD THCS

3.1. Công tác chỉ đạo

Nhà trường chỉ đạo cán bộ, giáo viên, nhân viên đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các chủ trương, Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, Nhà nước và của ngành Giáo dục về công tác PCGD, XMC. Việc tuyên truyền được triển khai thông qua các hội nghị, hội thảo, sinh hoạt chuyên đề, các phương tiện thông tin đại chúng, và thông qua Website của các nhà trường, từ đó huy động sự tham gia của phụ huynh và toàn xã hội trong công tác phổ cập, xóa mù chữ.

3.2. Công tác tuyên truyền, vận động

Ngay từ đầu năm học, nhà trường đã tuyên truyền đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên về công tác phổ cập giáo dục, thực hiện công tác tuyên truyền qua các cuộc họp phụ huynh học sinh, các trang Website của các nhà trường..... để nhân dân, PHHS hiểu được ý nghĩa của công tác phổ cập giáo dục từ đó xác định được vị trí, vai trò và nhiệm vụ của mình trong công tác phổ cập giáo dục.

Nhờ thực hiện tốt các hoạt động tuyên truyền, nhận thức của nhân dân trong xã về trách nhiệm tham gia phổ cập giáo dục và xây dựng xã hội học tập được nâng lên rõ rệt, góp phần duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập ở các cấp học.

3.3. Quá trình thực hiện công tác PCGD

Tổ chức Tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ, giáo viên liên quan về công tác PCGD, XMC trên địa bàn xã.

Tăng cường tuyên truyền để nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, hội đồng sư phạm... về vai trò của PCGD, XMC.

Ứng dụng công nghệ thông tin trong thống kê, quản lý hồ sơ PCGD, XMC.

Kiểm tra, đánh giá và báo cáo

Kiểm tra nội bộ: Thực hiện tự kiểm tra kết quả đạt chuẩn PCGD, XMC.

Hoàn thiện hồ sơ: Hoàn thiện hồ sơ để kiểm tra và công nhận.

Báo cáo kết quả thực hiện bằng văn bản và trực tuyến theo quy định, gửi về cấp trên để tổng hợp.

3.4. Hoạt động của tổ PCGD

Ban Chỉ đạo PCGD, XMC của xã hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ được phân công, bám sát các mục tiêu phổ cập giáo dục và xóa mù chữ của năm học. Trong năm, Ban Chỉ đạo đã triển khai các nội dung chính sau:

Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, đảm bảo rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm.

Họp giao ban để đánh giá tiến độ, rà soát số liệu và đề xuất giải pháp kịp thời.

Chỉ đạo rà soát, cập nhật số liệu. Kiểm tra và hướng dẫn việc nhập liệu vào hệ thống PCGD-XMC.

3.5. Kết quả Phổ cập giáo dục trung học cơ sở

- Tổng số thanh, thiếu niên từ 15–18 tuổi phải phổ cập: 1356; tốt nghiệp THCS (tính đến năm học 2024–2025...): 1343; Tỷ lệ 99,04%

- Tổng số thanh, thiếu niên từ 15–18 tuổi đã tốt nghiệp THCS đang học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên, GDNN: 1252; Tỷ lệ 92,33%

- Số thanh, thiếu niên trong độ tuổi 11–18 tuổi bỏ học (cả 3 cấp): 1; Tỷ lệ 0,03%; trong đó độ tuổi từ 11–14 tuổi bỏ học: 0; độ tuổi từ 15–18 tuổi bỏ học: 1

- Số thanh, thiếu niên từ 15–18 ngoài nhà trường (cả 3 cấp): 1

- Số lớp PCGD THCS: 0

- Tổng số trẻ khuyết tật trong độ tuổi từ 11–18 tuổi trên địa bàn: 31, số trẻ khuyết tật 11–18 tuổi được tiếp cận giáo dục: 16/16; Tỷ lệ: 100%

- Tỷ lệ học sinh vào trung học phổ thông, giáo dục thường xuyên và học nghề: 1252/1356; Tỷ lệ 92,33%

Kết quả: Đạt mức độ 3

3.6. Kết quả TN THCS, vào lớp 10 hệ THPT, GDTX, học nghề

- Tổng số học sinh TN THCS (hai hệ) năm qua (học sinh lớp 9 năm học 2024-2025: 357/357 đạt tỉ lệ 100%
- Số học sinh tốt nghiệp THCS năm học 2024-2025 vào học lớp 10 THPT, GDTX THPT, TCCN, trường dạy nghề: trong đó vào học lớp 10 THPT: 301; Tỉ lệ: 84,3%, học lớp 10 GDTX THPT 36, tỉ lệ 10,1%, học nghề 20 đạt tỉ lệ 5,6%.
- Tổng số học sinh tốt nghiệp THPT năm qua (năm học 2024-2025): 280/280; Tỉ lệ 100%
- Tổng số thanh, thiếu niên từ 18–21: 964; có bằng tốt nghiệp THPT, BT THPT, THCN: 933; Tỉ lệ 96,79%
- Số thanh, thiếu niên trong độ tuổi 18–21 tuổi ngoài nhà trường: 6; Tỉ lệ 0.63 %

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ GIÁO DỤC TRUNG HỌC

1. Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường.

Ngay từ đầu năm nhà trường đã xây dựng và triển khai xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường số 29/KHTHCSNCM ngày 25/8/2025.

Các tổ chuyên môn, các giáo viên đã xây dựng, triển khai kế hoạch giáo dục phù hợp với điều kiện của nhà trường. Kế hoạch bài dạy theo hướng tăng cường, phát huy tính chủ động, tích cực, tự học của học sinh thông qua việc thiết kế tiến trình dạy học thành các hoạt động học để thực hiện cả ở trên lớp và ngoài lớp học.

2. Đổi mới phương pháp và hình thức dạy học

Nhà trường đã thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường đảm bảo thống nhất giữa kế hoạch thực hiện CTGDPT 2018. Tích hợp lồng ghép các nội dung dạy học với các hoạt động trải nghiệm khác để tăng cường giáo dục kỹ năng sống cho học sinh đảm bảo mục tiêu về hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.

Trong các kế hoạch tổ chuyên môn. Kế hoạch bài dạy đảm bảo các yêu cầu về phương pháp dạy học, kỹ thuật dạy học, thiết bị dạy học và học liệu, phương pháp KTĐG trong quá trình dạy học.

- Thực hiện thực hiện nghiêm túc giáo dục. Kết quả dạy chuyên đề cấp trường: có 04 chuyên đề, xếp loại Tốt: 04 , số bài dạy minh họa 08, sản phẩm KHK 4.

* Khó khăn, hạn chế và nguyên nhân: Việc Sinh hoạt chuyên môn các môn theo CTGDPT 2018 chưa được nhiều, chưa đáp ứng được yêu cầu do nhà trường thiếu nhiều GV và số thiết bị đồ dùng dạy học còn khiêm tốn.

3. Đổi mới kiểm tra đánh giá học sinh

Việc thực hiện đánh giá, xếp loại học sinh theo Thông tư số 26/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020, Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GDĐT thực hiện có hiệu quả về hình thức, phương pháp, kỹ thuật, công cụ kiểm tra, đánh giá; kết hợp đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì. Việc thực hiện đánh giá

kết quả học tập của học sinh theo chuẩn kiến thức kỹ năng, theo ma trận, bảng đặc tả, kiểm tra đánh giá trực tuyến theo thông tư 09/BGDĐT.

Các bài kiểm tra được đánh giá chung đề, cùng thời điểm đảm bảo công bằng, nghiêm túc khách quan đúng quy chế. Việc thực hiện chấm chữa trả bài nghiêm túc, đặc biệt môn Tiếng Anh đã phối hợp với GV người nước ngoài kiểm tra kỹ năng nghe nói cho học sinh.

* Khó khăn, hạn chế và nguyên nhân: Việc kiểm tra đánh giá học sinh thông qua dự học tập còn khó khăn.

4. Nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng học sinh.

Phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp THCS: Tốt nghiệp THCS 160 hs, Tham gia học THPT 128/160 đạt 80%. Học nghề 26/160 đạt 16%. GDTX 3/160 đạt 2%. Đi làm tự do 3/160 đạt 2%.

5. Công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, đảm bảo an toàn trường học phòng chống dịch bệnh

Nhà trường chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện dưới nhiều hình thức: dạy học tích hợp, lồng ghép trong các môn học. Thông qua các chủ đề dạy học giáo viên đã tích cực đưa nội dung giáo dục đạo đức, lối sống và kỹ năng sống cho học sinh phù hợp với bài học và mang lại hiệu quả nhất định.

Nhà trường tăng cường giáo dục kỹ năng sống, xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học cũng như công tác tư vấn tâm lý học đường cho học sinh.

Giáo dục thể chất, thể dục thể thao trong nhà trường thực hiện nghiêm túc theo kế hoạch. Đảm bảo an toàn trong quá trình tổ chức học tập, giảng dạy.

* Tồn tại: Một số giáo viên còn hạn chế về năng lực tổ chức các hoạt động tập thể ngoài trời cho học sinh. Sân chơi tập chưa phong phú về trang thiết bị cũng như hẹp về diện tích bãi tập.

6. Kết quả xếp loại 2 mặt giáo dục (Phụ lục đính kèm).

Không tính 08 học sinh Khuyết tật hòa nhập

- K6: Kết quả học tập: Tốt 54/180; đạt 30%. Khá 89/180 đạt 49,44 %. Đạt 34/180 đạt 18,89 %. Chưa đạt 03/180 đạt 1,67%

Kết quả rèn luyện: Tốt 165/180 đạt 91,67%, Khá 15/180 đạt 8,33 %.

- K7: Kết quả học tập: Tốt 42/194 đạt 21,65%. Khá 73/194 đạt 37,63%. Đạt 68/194 đạt 35,05 %. Chưa đạt 11/194 đạt 5,67%

Kết quả rèn luyện: Tốt 170/194 đạt 87,63 %, Khá 24/194 đạt 12,37%.

- K8: Kết quả học tập: Tốt 55/205 đạt 26,83%. Khá 76/205 đạt 37,07%. Đạt 66/205 đạt 32,2%. Chưa đạt 08/205 đạt 3,9%

Kết quả rèn luyện: Tốt 188/205 đạt 91,71%, Khá 17/ 205 đạt 8,29%.

- K9: Kết quả học tập: Tốt 81/201 đạt 40,3%. Khá 82/201 đạt 40,8%. Đạt 36/201 đạt 17,91%. Chưa đạt 02/201 đạt 1%

Kết quả rèn luyện: Tốt 183/201 đạt 91,04%, Khá 17/201 đạt 8,46%; Đạt 1/201 đạt 0,5%

Kết quả chung toàn trường:

Kết quả học tập: Tốt 232/780 đạt 29,74%. Khá 320/780 đạt 41,03%. Đạt 204/780 đạt 26,15%. Chưa đạt 24/ 780 đạt 3,08%

Kết quả rèn luyện: Tốt 708/780 đạt 90,51%, Khá 73/780 đạt 9,36%. Đạt 01/780 đạt 0,13%

*** So sánh với cùng kì năm trước:**

Nội dung	Loại	Năm 24-25	Năm 25-26	Tăng giảm
Kết quả học tập	Tốt	29,36	29,74	Tăng 0,38%
	Khá	37,48	41,03	Tăng 3,55%
	Đạt	29,36	26,15	Giảm 3,21%
	Chưa đạt	3,8	3,08	Giảm 0,72%
Kết quả rèn luyện	Tốt	90,23	90,51	Tăng 0,28%
	Khá	9,77	9,36	Giảm 0,77%
	Đạt	0	0,13	Tăng 0,13%
	Chưa đạt	0	0	

7. Kết quả các kỳ thi

Việc triển khai và tham gia các kỳ thi nhà trường tổ chức thực hiện nghiêm túc.

+ Thi KHKT đạt 4 giải cấp trường.

+ Thi KHTN bằng Tiếng Anh cấp xã: 38 học sinh đạt điểm tham gia cấp thành phố (khối 9 có 12 hs, khối 8 có 10 hs, khối 7 có 6 hs, khối 6 có 10 hs)

+ Thi các môn Văn Hóa có 6 học sinh đạt giải cấp xã tham gia thi cấp thành phố: môn Anh có 2 hs, môn Hóa có 2 học sinh, môn Văn có 1 học sinh, môn Toán có 1 học sinh.

+ Thi Toán bằng Tiếng Anh có 6 hs tham gia thi thành phố

+ Thi Vioedu có 08 giải cấp trường: Toán 6 : 25 HS; Toán 7: 22HS; Toán 8: 07 HS; Toán 9: 28 HS

* So sánh với cùng kì năm cũ: Số lượng học sinh tham gia ít hơn các môn văn hóa, số môn thi nhiều hơn.

* Khó khăn, hạn chế và nguyên nhân: Kết quả thi KHKT chưa cao. Không có đội tuyển thi KHTN bằng tiếng Anh. Không tuyển được đội tuyển do không có học sinh giỏi Tiếng Anh lại vừa giỏi các phân môn Lý Hóa Sinh.

8. Việc triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018

Việc thực hiện chương trình GDPT 2018 đối với các khối lớp được nhà trường quan tâm, ưu tiên bố trí giáo viên, cơ sở vật chất để thực hiện chương trình. Nhà trường chỉ đạo cho các tổ chuyên môn, Giáo viên triển khai thực hiện theo chương trình và xây dựng kế hoạch sinh hoạt chuyên môn, bồi dưỡng GV thường xuyên liên tục và đạt hiệu quả. Nhà trường đã khắc phục khó khăn để triển khai, thực hiện chương trình các môn học KHTN, Lịch sử-Địa lý. Việc xây dựng chương trình đảm bảo thống nhất giữa chương trình nhà trường, kế hoạch tổ/nhóm chuyên môn và kế hoạch của giáo viên trong đó tăng quyền chủ động cho giáo viên trong việc xây dựng kế hoạch bài dạy phù hợp với đối tượng học sinh, tạo điều kiện để giáo viên áp dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học mới.

Thực hiện chương trình chính khóa: Dạy-học 6 buổi/tuần. Mỗi buổi 5 tiết. Khối 6/7/8 tổng 30 tiết/tuần, riêng khối 9 là 31 tiết/tuần nên môn GDDP xếp 2 tiết/tuần của tuần 1,3 trong tháng.

Thực hiện dạy thêm theo TT29/2025: Dạy ôn thi vào 10 với 3 môn Toán, Văn, Anh cho 5 lớp 9. Dạy Bồi dưỡng học sinh giỏi với 10 môn là LDĐL2, LDĐL1, Ngữ Văn, KHTN1, Toán, KHTN2, GD&CD, Anh, KHTN +TA, Toán =TA. Mỗi môn 2 tiết/tuần. Thực hiện từ tháng 6/9/2025. Học vào ca 2 (không xếp vào thời khóa biểu chính khóa)

Thực hiện dạy liên kết 2 môn Kỹ năng sống và Tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài. Mỗi môn 1 tiết/tuần. Thực hiện từ 29/9/2025. Học vào ca 2 (không xếp vào thời khóa biểu chính khóa).

* Học chính khóa: Buổi sáng tiết 1 từ 7h, buổi chiều tiết 1 từ 13h

Học thêm và liên kết: 2 tiết/buổi. Buổi sáng tiết 1 từ 7h, buổi chiều tiết 1 từ 13h50p.

Học sinh học không quá 7 tiết/buổi.

* Khó khăn, hạn chế và nguyên nhân: Việc triển khai, thực hiện môn học KHTN, hoạt động trải nghiệm còn gặp khó khăn do chưa đủ đội ngũ đáp ứng theo mục tiêu.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được.

Các kế hoạch giáo dục của tổ chức, cá nhân được thực hiện nghiêm túc có ý nghĩa quan trọng, thúc đẩy nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

Việc thực hiện đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá có nhiều chuyển biến.

Đội ngũ CBGV được nâng cao về chất lượng. Học sinh chăm ngoan, tích cực học tập rèn luyện và tham gia các hoạt động giáo dục.

2. Hạn chế cần khắc phục.

Chưa đủ cơ cấu giáo viên nên việc bố trí, phân công giáo viên dạy, xếp thời khóa biểu đôi lúc còn chưa kịp thời.

Công tác BDHSG thực sự chưa đạt kết quả như mong muốn.

3. Đề xuất, kiến nghị.

Với UBND xã: Tổ chức thi tuyển dụng viên chức GV năm 2025 kịp thời đáp ứng nhu cầu nhân lực cho nhà trường trong thời gian tới.

Với Sở giáo dục: Quan tâm mở nhiều lớp tập huấn, bồi dưỡng đội ngũ CBGV trong năm học nhằm nâng cao chất lượng tay nghề, năng lực đáp ứng nhu cầu công việc, nâng cao hơn nữa hiệu quả giáo dục.

Trên đây là báo cáo kết quả giáo dục học kì 1 năm học 2025-2026 của trường THCS Nguyễn Chuyên Mỹ.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- SGD Hải Phòng (để báo cáo);
- HĐSP trường;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thanh Thúy